

Số: 02 /NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 19 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025
và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 17**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật nhà ở; Nghị định
số 30/2019/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật nhà ở;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của
Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;*

*Thực hiện Quyết định số 2127/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 và
tầm nhìn đến năm 2030;*

*Xét Tờ trình số 31/TTr-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Chương trình phát triển nhà ở
giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;
Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Thông qua Chương trình phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025 và
định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, nội dung cụ thể như
sau:**

1. Mục tiêu

a) Phấn đấu đến năm 2025 đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở của các tầng lớp
dân cư với chất lượng, tiện nghi, giá cả phù hợp với điều kiện kinh tế và khả năng
thu nhập của từng hộ gia đình, cá nhân.

b) Từng bước nâng cao chất lượng, diện tích nhà ở; tạo điều kiện để những người có khó khăn về nhà ở có chỗ ở an toàn; bảo đảm hoàn thành các mục tiêu về nhà ở và an sinh xã hội.

c) Phát triển nhà ở đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng; thu hẹp khoảng cách về chất lượng nhà ở và môi trường sống tại khu vực đô thị với nông thôn; mở rộng khả năng huy động vốn đầu tư của các thành phần kinh tế và của xã hội tham gia phát triển nhà ở, thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường bất động sản nhà ở; giải quyết nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, lực lượng vũ trang nhân dân, người có thu nhập thấp, công nhân lao động thông qua chính sách phát triển nhà ở xã hội để bán, cho thuê và thuê mua; từng bước hạn chế, khắc phục tình trạng xây dựng nhà ở trái phép.

d) Phấn đấu hoàn thành việc hỗ trợ người có công với cách mạng cải thiện nhà ở trên cơ sở các cơ chế, chính sách đã ban hành.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a) Giai đoạn 2021-2025:

- Diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh đạt khoảng 25m^2 sàn/người, trong đó đô thị đạt $29,0\text{m}^2$ sàn/người, nông thôn đạt $22,2\text{m}^2$ sàn/người. Diện tích nhà ở tối thiểu $10,0\text{m}^2$ sàn/người.

- Tổng diện tích sàn nhà ở tăng thêm: Khoảng $2.991.881\text{m}^2$ sàn/ 32.547 căn.
Trong đó:

+ Nhà ở riêng lẻ: Khoảng $2.214.271\text{m}^2$ sàn/18.827 căn.

+ Nhà ở công vụ: Khoảng 9.440m^2 sàn/236 căn.

+ Nhà ở cho người có công: Khoảng 50.292m^2 sàn/1.118 căn.

+ Nhà ở cho hộ nghèo: Khoảng 327.060m^2 sàn/7.268 căn.

+ Nhà ở xã hội cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tự do, người thu nhập thấp: Khoảng 118.190m^2 sàn/2.364 căn.

+ Nhà ở công nhân: Khoảng 36.960m^2 sàn/770 căn.

+ Nhà ở thương mại: Khoảng 235.668m^2 sàn/1.964 căn.

(Đính kèm phụ lục số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08 và 09)

- Chất lượng nhà ở: Tỷ lệ nhà ở kiên cố toàn tỉnh đạt khoảng 62,0%, nhà ở bán kiên cố đạt khoảng 37,2%, nhà ở đơn sơ giảm còn 0,8%.

- Đảm bảo nhu cầu nhà ở cho công nhân và sinh viên trên nguồn lực xã hội hóa và nhà cho thuê của hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng.

- Hoàn thành thực hiện các chương trình hỗ trợ cho hộ nghèo và người có công với cách mạng về nhà ở theo Chương trình của Chính phủ ban hành.

b) Định hướng đến năm 2030:

- Phấn đấu đến năm 2030 đạt chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh khoảng $30,0\text{m}^2$ sàn/người, trong đó đô thị đạt $33,4\text{m}^2$ sàn/người và tại nông thôn đạt $26,7\text{m}^2$ sàn/người. Diện tích nhà ở tối thiểu $12,0\text{m}^2$ sàn/người.

- Phần đầu nâng tỷ lệ nhà ở kiên cố đạt 71,0%, nhà ở bán kiên cố đạt 28,6%, nhà ở đơn sơ giảm còn 0,4%.

3. Nguồn vốn thực hiện giai đoạn 2021-2025:

a) Tổng nguồn vốn: Khoảng 9.878,89 tỷ đồng. Trong đó:

- Nhà ở riêng lẻ: Khoảng 7.749,95 tỷ đồng.
- Nhà ở công vụ: Khoảng 37,76 tỷ đồng.
- Nhà ở cho người có công: Khoảng 44,72 tỷ đồng.
- Nhà ở cho hộ nghèo: Khoảng 290,72 tỷ đồng.
- Dự án nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp: Khoảng 709,14 tỷ đồng.
- Nhà ở công nhân: Khoảng 221,76 tỷ đồng.
- Nhà ở thương mại: Khoảng 824,84 tỷ đồng.

b) Cơ cấu nguồn vốn:

- Nguồn vốn Trung ương: Khoảng 124,67 tỷ đồng.
- Ngân sách địa phương: Khoảng 37,76 tỷ đồng.
- Vốn vay Ngân hàng Chính sách Xã hội: Khoảng 210,77 tỷ đồng.
- Vốn khác (tổ chức, thành phần kinh tế, hộ gia đình, cá nhân, vay ngân hàng): Khoảng 9.505,69 tỷ đồng.

4. Các giải pháp thực hiện:

- a) Giải pháp về cơ chế, chính sách, kêu gọi đầu tư.
- b) Giải pháp về quy hoạch và đất đai.
- c) Giải pháp về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.
- d) Giải pháp về khoa học, công nghệ xây dựng để tiết kiệm, giảm chi phí xây dựng.
- đ) Giải pháp về huy động các nguồn vốn.
- e) Giải pháp về cải cách thủ tục hành chính.
- g) Giải pháp hoàn thiện cơ cấu tổ chức phát triển và quản lý nhà ở.
- h) Giải pháp phát triển nhà ở cho từng nhóm đối tượng theo quy định tại điều 49 luật nhà ở năm 2014.

(Đính kèm phụ lục số 10)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa X Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm CNTT và TT;
- Trang tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Thanh
Nguyễn Đức Thanh